

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẦU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN CỦA SCIC

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN



❖ Tổ chức bán cổ phần



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

- Chi nhánh Khu vực phía Nam:
- Tầng 8 Tòa nhà số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 3933 3818 - Fax: (84-8) 3933 3822
- Website : www.scic.vn

❖ Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

- Trụ sở chính: 198 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 73068686 - Fax: (84-8) 35170634
- Website : www.bmsc.com.vn

Bản công bố thông tin này được tổ chức tư vấn soạn thảo và công bố phản ánh trung thực dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn cung cấp

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Cổ đông bán cổ phần không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0300405952 ngày 22/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, đã thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2012)

CHÀO BÁN CỔ PHẦN THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Tên Công ty : Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
Vốn điều lệ hiện tại : 14.000.000.000 đồng
Tổng số cổ phần : 1.400.000 cổ phần

Thông tin về đợt chào bán

Tên cổ phiếu chào bán : **Cổ phiếu Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn**
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng chào bán : 560.000 cổ phần (tương đương 40,00% vốn điều lệ)
Tổng giá trị chào bán : 5.600.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm triệu đồng)

➔ **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh**
Trụ sở chính : Số 198 Phan Xích Long, P2, quận Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại : 08. 73068686 Fax: 08. 3517 0634
Chi nhánh Hà Nội : 10 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : 04. 73068686 Fax: 04. 3933 4968
Website : www.bmsc.com.vn

➔ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Tên Công ty : **Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán**
Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại : (84.4) 3824 1990 Fax : (84.4) 3825 3973
Email : webmaster@aasc.com.vn & aaschn@hn.vnn.vn



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

MỤC LỤC

	Trang
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	3
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Rủi ro chào bán	5
4. Rủi ro khác	5
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
IV. CÁC KHÁI NIỆM	6
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY.....	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty	13
3. Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu vốn cổ phần của Công ty	14
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn, những Công ty mà Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn:	
5. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
6. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2011, năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013	17
7. Chính sách đối với người lao động	18
8. Chính sách cổ tức	19
9. Tình hình hoạt động tài chính	19
10. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	26
11. Tài sản	32
12. Kế hoạch kinh doanh năm 2013-2015	36
13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	37
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán	37
15. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	37
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN CỔ PHẦN	38
VII. PHỤ LỤC	45

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thông tư 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 19/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 01/6/2009 của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Hợp đồng kinh tế số 07/2012/HĐTV-ĐG ngày 04/07/2012 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh với Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn;
- Quyết định số 454/QĐ-ĐTKDV ngày 07/10/2013 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn;
- Quyết định số 52/2013-BMSC/ĐG ngày 09/10/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh về việc thành lập Ban tổ chức đấu giá;
- Công văn số 2219/ĐTKDV-CNPN ngày 07/10/2013 của SCIC về việc phê duyệt Giá khởi điểm, Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá;
- Biên bản cuộc họp ngày 09/10/2013 của Ban tổ chức đấu giá về việc thông qua Hồ sơ bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ



Sài Gòn.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2012, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 5,03% so với năm 2011, trong đó GDP quý 1/2012 tăng 4%, quý 2/2012 tăng 4,66%, quý 3/2012 tăng 5,05%, quý 4/2012 tăng 5,44%. Mặc dù, GDP năm 2012 tăng thấp hơn so với năm 2011 (GDP năm 2011 tăng 5,89%) nhưng có xu hướng cải thiện qua từng quý và đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn, cả nước ưu tiên thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô. GDP năm 2012 tăng trưởng 5,03% với sự đóng góp dẫn đầu là khu vực dịch vụ tăng 6,42%, đóng góp 2,7 điểm phần trăm; kế tiếp là khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,52%, đóng góp 1,89 điểm phần trăm; cuối cùng là khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,72%, đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Xét từng khu vực đóng góp vào GDP thì năm 2012 có sự đổi vị trí giữa khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ so với các năm trước, bởi vì kinh tế khó khăn khiến sức mua của người dân giảm, thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng tăng, hàng tồn kho ở mức cao đã tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất do đó các doanh nghiệp phải thu nhỏ hoạt động sản xuất kinh doanh, dừng hoạt động hoặc giải thể.

Sáu tháng đầu năm 2013 GDP ước tính tăng 4,90% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%. Tốc độ tăng GDP sáu tháng đầu năm xấp xỉ mức tăng cùng kỳ năm 2012 (4,93%) nhưng thấp hơn nhiều mức tăng 6,22% của cùng kỳ năm 2010 và mức tăng 5,92% của cùng kỳ năm 2011. Mức tăng và mức đóng góp của các khu vực kinh tế sáu tháng đầu năm 2013 cụ thể với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,07%, đóng góp 0,40 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,18%, đóng góp 1,99 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,92%, đóng góp 2,51 điểm phần trăm.

Theo dự báo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (NFSC), tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của năm 2013 ước khoảng 5,3%.

Nhìn chung, kinh tế Việt Nam năm 2013 vẫn là một năm tiếp tục khó khăn và các yếu tố vĩ mô vẫn còn nhiều rủi ro. Vì thế, không chỉ Công ty mà các doanh nghiệp khác trong ngành vẫn sẽ chịu tác động bởi các rủi ro này.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty Cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn mới ban hành. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định còn chưa cao, các quy định còn mới gây lúng túng trong hoạt động của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh.

3. Rủi ro chào bán

Công ty chào bán trong giai đoạn thị trường chứng khoán chịu nhiều ảnh hưởng từ những biến động của nền kinh tế vĩ mô, xu hướng thị trường chưa ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy, rủi ro từ đợt chào bán này có thể không được chào bán hết. Bên cạnh đó, doanh nghiệp hoạt động với quy mô vốn nhỏ nên khả năng các nhà đầu tư khác biết đến và quan tâm đầu tư là rất thấp.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

Đại diện: Ông **Đỗ Thành Duy**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn : Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Đại diện: Ông **Nguyễn Minh Cường**

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
BKS	:	Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
Thành viên chủ chốt	:	Thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
Người có liên quan	:	Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên chủ chốt Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
BCTC	:	Báo cáo tài chính
Tổ chức tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
Tổ chức kiểm toán	:	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán
VĐL	:	Vốn điều lệ
VNĐ	:	Việt Nam đồng
TSCĐ	:	Tài sản cố định
SCIC	:	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội và Luật số 62/2010/QH12 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010 các văn bản pháp luật khác có liên quan.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty được chính thức thành lập từ năm 1962 và mang tên Đông Phương Kỹ Nghệ Công Ty với sản phẩm chính là tinh bột bắp, tinh bột khoai mì và mạch nha các loại.

Từ sau năm 1977, Công ty trở thành công ty quốc doanh, nhà nước đã chuyển giao



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

một số cơ sở sản xuất khác như: bánh kẹo Đại Thế Giới, tàu vị yểu Vị Tâm, đồ hộp Á Châu, dầu ăn Thuận Hưng, bánh Long Xương...và chính thức lấy tên là Công ty Thực phẩm Sài Gòn SAFOODSCO kể từ năm 1997.

Với nền kinh tế hội nhập và phát triển, SAFOODSCO từ một doanh nghiệp nhà nước đã được chuyển thành Công ty cổ phần với tên “Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn” theo quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 23/08/2006 của Ủy ban nhân dân TPHCM.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/05/2007 và đã thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2012.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Saigon Food & Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SAFOODS JSC
- Trụ sở : 216 Quốc lộ 1K Phường Linh Xuân Quận Thủ Đức TPHCM
- Điện thoại : (84-8) 39231440 Fax: (84-8) 39231441
- Email : thucphamvadvsg@vnn.vn
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/05/2007 và đã thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2012.
- Logo Công ty :



- Vốn điều lệ : 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng)
- Chi nhánh:

. Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

Địa chỉ chi nhánh: 46-48 Trần Hưng Đạo Phường 7 Quận 5 TPHCM

. Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn – Kho Linh Xuân

Địa chỉ chi nhánh: 216 Quốc lộ 1K Phường Linh Xuân Quận Thủ Đức TPHCM

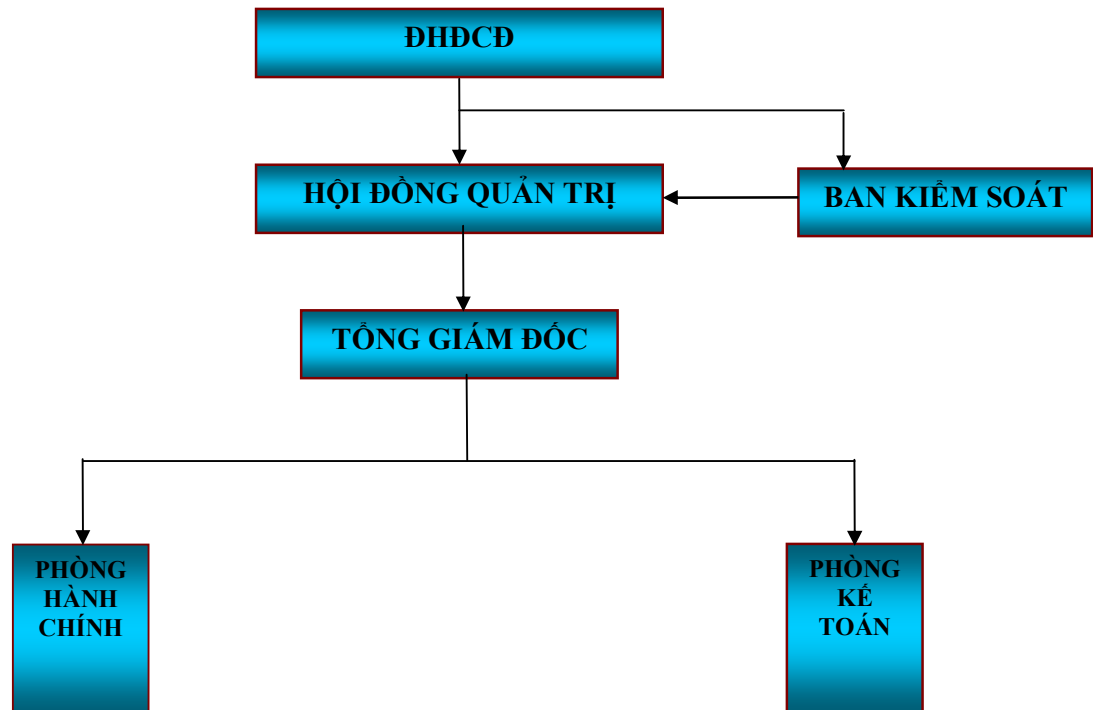
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- ✚ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- ✚ Xây dựng công trình công ích;
- ✚ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✚ Phá dỡ;
- ✚ Chuẩn bị mặt bằng;
- ✚ Lắp đặt hệ thống điện;
- ✚ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- ✚ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ✚ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- ✚ Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✚ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✚ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✚ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: lưu giữ hàng hóa);
- ✚ Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✚ Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);

- ✚ Mua bán và dịch vụ xuất nhập khẩu lương thực, thực phẩm; Kinh doanh nhà ở; Cho thuê nhà xưởng, kho, văn phòng và mặt bằng sân bãi (chức năng này không được thực hiện đối với mặt bằng, nhà đất thuộc nhà nước chuyển giao); Mua bán hàng kim khí điện máy, điện tử; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Chế biến thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn hạng sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở); Mua bán sắt thép, máy móc thiết bị ngành công nghiệp.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng Quản trị

Là cấp quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ, quy chế nội bộ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Kiểm soát

Là tổ chức thay mặt các cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh,

quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành chung mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và là người đại diện pháp nhân của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Phòng hành chính:

- Giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực tổ chức hành chính như: Quản lý, sử dụng nhân sự, các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;
- Thực hiện các công tác xây dựng và đề xuất việc quản lý, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ, chuyên môn. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, điều động, đề bạt, bổ nhiệm, kỷ luật, thôi việc đối với các nhân sự do Công ty quản lý.
- Lưu trữ công văn, tài liệu hợp lý, khoa học, bảo mật, bảo vệ và sử dụng con dấu của Công ty theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật nhà nước.
- Sắp xếp, bố trí lịch làm việc, lịch giao ban, làm tốt công tác tổ chức hội nghị, lễ tân, tiếp khách...
- Quản lý và kiểm tra việc sử dụng các trang thiết bị, phương tiện văn phòng như: Điện thoại; Fax; Mạng vi tính; Xăng xe; Văn phòng phẩm; Phương tiện PCCC... một cách hiệu quả, tiết kiệm, tránh mất mát, hư hao.
- Và các công tác chuyên môn khác liên quan do Tổng Giám đốc chỉ đạo.

Phòng Kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán, nghiệp vụ hợp lý, phát huy hiệu quả công việc cao nhất. Lưu trữ tài liệu, chứng từ sổ sách, giữ bí mật tài chính của Công ty theo quy định của Điều lệ hoạt động và Luật pháp nhà nước.
- Thường xuyên báo cáo các hoạt động thu, chi, lỗ, lãi, công nợ và việc thực hiện các hợp đồng kinh tế để Tổng Giám đốc có kế hoạch điều hành chung.

- Lập và trình bày các báo biểu kế toán chi tiết, báo cáo tổng hợp hàng tháng, quý, năm. Phân tích các báo cáo tài chính góp phần vào việc phân tích tình hình hoạt động chung của Công ty;

3. Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu vốn cổ phần của Công ty:

3.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	560.000	5.600.000.000	40,00%
(*) Người đại diện quản lý phần vốn là cá nhân sau:					
	Nguyễn Văn Liêm	27 Kỳ Đồng, Quận 3, Tp. HCM			
2	Công ty cổ phần Nam Long	F.F 12B Đường Ba Vì, cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TPHCM	213.660	2.136.600.000	15,26%
3	Đỗ Trọng Hùng	33 Trần Quốc Toản Phường Trần Hưng Đạo Quận Hoàn Kiếm Hà Nội	140.000	1.400.000.000	10,00%
4	Nguyễn Quốc Khánh	181/37/11 Phan Đăng Lưu Phường 1 Quận Phú Nhuận THCM	278.240	2.782.400.000	19,87%
5	Tô Hải	21B/3 Nguyễn Đình Chiểu Phường Dakao Quận 1 TPHCM	30.000	300.000.000	2,14%
6	Vy Hoàng Giang	38A Trần Phú Phường Điện Biên Quận Ba Đình Hà Nội	126.000	1.260.000.000	9,00%
7	Và các cổ đông khác		52.100	521.000.000	3,72%

(Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2012 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn được cấp phép thành lập lần đầu vào ngày 22/05/2007 đến nay đã hết thời gian 3 năm hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

13

Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn tại thời điểm ngày 30/06/2013

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	560.000	5.600.000.000	40,00%
(*) Người đại diện quản lý phần vốn là cá nhân sau:					
	Nguyễn Văn Liêm	27 Kỳ Đồng, Quận 3, Tp. HCM			
2	Vũ Mỹ Hạnh	41/4A Phan Đình Phùng, F.17, Phú Nhuận, Tp. HCM	293.919	2.939.190.000	20,99%
3	Lữ Thị Kim Huyền	117/2 Đỗ Ngọc Thạnh, F.15, quận 5, Tp. HCM	126.000	1.260.000.000	9,00%
Tổng cộng			979.919	9.799.190.000	69,99%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

3.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn tại thời điểm ngày 30/06/2013:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Vốn sở hữu (đồng)	Tỷ lệ (%) sở hữu
1.	Trong nước:			
	- Vốn Nhà nước (SCIC)	560.000	5.600.000.000	40,00%
	- Cá nhân	798.000	7.980.000.000	57,00%
	- Tổ chức	-	-	-
2.	Nước ngoài:	42.000	420.000.000	3,00%
	Tổng cộng	1.400.000	14.000.000.000	100,00%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn, những Công ty mà Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn:



Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động dịch vụ chủ yếu

Trong những năm gần đây Công ty dừng hẳn mọi hoạt động kinh doanh chính với sản phẩm là tinh bột bắp, tinh bột khoai mì, mạch nha, nước uống tinh khiết... Doanh thu của Công ty hiện tại đem lại chủ yếu từ việc hợp tác kinh doanh.

5.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm 2011, 2012 và 6 tháng đầu năm 2013:

Đv : đồng

STT	Danh mục	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (1)	3.342.312.425	2.912.508.500	1.540.000.000
2	Giá vốn hàng bán (2)	1.381.137.544	1.381.137.544	372.082.487
3	<i>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (3=1-2)</i>	1.961.174.881	1.531.370.956	1.167.917.513
4	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần (4=3/1)	58,68%	52,58%	75,84%

(Nguồn : Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

5.3. Chi phí kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn:

Đv : đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2011		31/12/2012		30/06/2013	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	1.381.137.544	41,32%	1.381.137.544	47,42%	372.082.487	24,16%
Chi phí tài chính	22.610.000	0,68%	-	-	-	0,00%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.886.781.929	56,45%	1.535.215.753	52,71%	972.609.024	63,16%
Tổng cộng	3.290.529.473	98,45%	2.916.353.297	100,13%	1.344.691.511	87,32%



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Do Công ty không tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa mà chỉ hợp tác kinh doanh nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng thấp, chiếm khoảng 41%~47% doanh thu thuần của Công ty. Riêng 6 tháng đầu năm 2013, giá vốn hàng bán giảm xuống còn chỉ 24%.

Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm rất lớn trong doanh thu thuần (khoảng 56%~63%) nhưng không thay đổi nhiều qua các năm, chủ yếu là chi phí trả lương cho nhân viên.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản mục sau đây:

Đv : đồng

STT	Danh mục	31/12/2011		31/12/2012	
		Giá trị	%/CPQLDN	Giá trị	%/CPQLDN
1	Chi phí nhân viên quản lý	1.035.334.126	54,87%	932.394.822	60,73%
2	Chi phí vật liệu, dụng cụ	5.000.000	0,27%	1.589.396	0,10%
3	Chi phí dự phòng	311.112.526	16,49%	-2.362.000	-0,15%
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	6.604.836	0,35%	6.604.865	0,43%
5	Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	0,21%	3.000.000	0,20%
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	506.930.441	26,87%	589.062.670	38,37%
7	Chi phí bằng tiền khác	17.800.000	0,94%	4.926.000	0,32%
Tổng cộng		1.886.781.929	100%	1.535.215.753	100%

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

5.4. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

STT	Đối tác	Sản phẩm cung cấp	Năm ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	CTCP TM DV Chế biến Thực phẩm Hải Thiên	Hợp tác kinh doanh nhà hàng tại mặt bằng 153 Huỳnh Mẫn Đạt, quận 5	2012-2014	3.360.000.000



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

16

2	CTCP TM DV Chế biến Thực phẩm Hải Thiên	Hợp tác kinh doanh cửa hàng rau sạch và thực phẩm chế biến tại mặt bằng 46-48 Trần Hưng Đạo, Quận 5	2009-2014	3.000.000.000
3	CT TNHH Một Thành viên Phẩm Hoàn	Hợp đồng hợp tác gia công gỗ tại nhà xưởng số 216 Quốc lộ 1K, Linh Xuân, Thủ Đức	2010-2013	1.980.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011, 2012 và 6 tháng đầu năm 2013

6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đv: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Tổng tài sản	10.172.962.583	11.380.967.918	11.359.581.843	10.652.544.495
2	Doanh thu thuần	2.707.769.092	3.342.312.425	2.912.508.500	1.540.000.000
3	Lợi nhuận từ HĐKD	17.544.619	62.398.900	18.132.437	197.800.630
4	Lợi nhuận khác	-18.365.792	76.713.280	0	0
5	Lợi nhuận trước thuế (EBIT)	-821.173	139.112.180	18.132.437	197.800.630
6	Lợi nhuận sau thuế	-821.173	139.112.180	18.132.437	197.800.630

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Nhìn chung, doanh thu không có biến động lớn qua các năm 2010, 2011, 2012, bên cạnh đó Công ty cũng chưa tiết giảm mạnh các chi phí nên hoạt động kinh doanh của Công ty không đem lại hiệu quả cao.

Tổng dư nợ vay

- + Vay và nợ ngắn hạn : Không có
- + Vay và nợ dài hạn : Không có

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012

a. Thuận lợi

- Hoạt động của Công ty trong năm qua được sự quan tâm hỗ trợ từ phía Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác tìm kiếm, giới thiệu khách hàng tạo điều kiện cho Công ty ký kết nhiều hợp đồng hợp tác tận dụng các mặt bằng



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

17

thuê của Nhà nước;

- Đội ngũ nhân viên trong Công ty được tinh gọn với trình độ chuyên môn cao.

b. Khó khăn

Kinh tế Việt Nam đang trong tình trạng khủng hoảng chung của nền kinh tế thế giới, hàng loạt các doanh nghiệp nhỏ đã thu hẹp hoạt động, quy mô thu nhỏ hoặc phá sản trong năm qua. Do kinh tế khó khăn, nhiều cửa hàng đã phải trả lại mặt bằng cho chủ, "bỏ chạy" khi không chịu nổi thua lỗ khi sức mua giảm sút. Vì thế, giá cho thuê mặt bằng bán lẻ tại TP.HCM đã giảm mạnh theo sự suy giảm sức mua. Đà giảm vẫn chưa dừng lại khi nguồn cung được dự báo tiếp tục tăng. Các chuyên gia kinh doanh, người môi giới bất động sản cũng như một số doanh nghiệp bán lẻ đều cho rằng giá thuê mặt bằng sẽ còn giảm nữa do hiện nay nguồn cung đang dồi dào, trong khi nhu cầu đi thuê mặt bằng vẫn tiếp tục giảm theo khó khăn của kinh doanh.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm ngày 30/06/2013, tổng số lao động của Công ty là 8 người.

Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ		
Đại học và trên đại học	3	37,00%
Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	1	12,50%
Học vấn 12/12	0	0,00%
Lao động phổ thông	4	50,00%
Phân loại theo hợp đồng lao động		
Hợp đồng dài hạn	3	37,50%
Hợp đồng ngắn hạn	5	62,50%
Lao động thời vụ	0	0,00%
Tổng cộng:	8	100,00

7.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định của Pháp luật. Thời gian làm việc của cán bộ công nhân viên 8h/ngày, 40h/tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần;

Các chế độ chính sách về làm thêm giờ, nghỉ phép, lễ, tết, nghỉ ốm đau thai sản theo qui định của nhà nước.

b. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi qui định của pháp luật về lao động được bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.... Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

8. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thì Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Tùy thuộc tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép HĐQT có thể ứng trước cổ tức cho cổ đông theo từng thời hạn 6 tháng hoặc cả năm.

Các năm vừa qua Công ty không có lãi nên không có cổ tức cho các cổ đông.

9. Tình hình hoạt động tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31

tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành (ngoài các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên độc lập).

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá: là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao: khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của tài sản cố định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Các nhóm Tài sản cố định	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
- Máy móc, thiết bị	04-12 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

b. Mức thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	5.500.000	5.500.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện đúng các quy định về nợ đến hạn. Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, hiện tại không có khoản nợ quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Tại thời điểm 30/06/2013, Công ty đã hoàn tất công tác quyết toán thuế đến hết năm tài chính 2012.

Đv: đồng

Các khoản phải nộp theo luật định	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2012
Thuế GTGT	16.637.780	26.018.600
Thuế thu nhập cá nhân	15.734.427	42.911.911
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	18.385.595	18.385.595
Cộng	50.757.802	87.316.106

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

e. Trích lập các quỹ

Việc trích lập các Quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Điều lệ của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở tuân thủ các chính sách của Nhà nước.

Lợi nhuận hàng năm của Công ty sau khi nộp thuế theo luật định, lợi nhuận để lại được phân phối theo Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cuối niên khóa tài chính, lợi nhuận thực hiện được phân chia như sau:

- Trích 5% để lập quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ;
- Trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển kinh doanh do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm;

Đv: đồng

Các quỹ	Tại ngày 30/06/2013
Quỹ đầu tư phát triển	1.416.371.553
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0
Quỹ dự phòng tài chính	0

(Nguồn : BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)



f. Tình hình công nợ hiện nay đến thời điểm 30/06/2013

❖ Các khoản phải thu:

Đv: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Phải thu khách hàng	269.532.131	930.726.562	592.142.891
2	Trả trước cho người bán	47.274.880	47.274.880	47.274.880
3	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
4	Phải thu nội bộ	-	-	-
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-311.112.526	-308.750.526	-308.750.526
6	Phải thu khác	4.061.875.348	4.074.629.455	2.731.255.480
Tổng cộng		4.067.569.833	4.743.880.371	3.061.922.725

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 thì tại thời điểm 31/12/2012 Công ty đang theo dõi số vốn điều lệ phải thu từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương khoản nộp thừa tiền thu từ cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị phần vốn nhà nước trên khoản mục Phải thu về cổ phần hóa, số tiền 2.534.765.971 đồng.

Công ty đang theo dõi quỹ lương chi vượt từ giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền 1.357.319.853 đồng.

Công ty không có các khoản phải thu dài hạn, chỉ có các khoản thu ngắn hạn.

Lưu ý: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2012 thì báo cáo tài chính năm 2012 đã kiểm toán không được Đại hội đồng cổ đông thông qua vì có chênh lệch số liệu công nợ và vốn chủ sở hữu theo ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên. Ngay sau Đại hội đồng cổ đông, Ban điều hành Công ty phải làm việc lại với Công ty Kiểm toán AASC xem xét điều chỉnh lại các số liệu trong BCTC năm 2012 chính xác theo chế độ kế toán, theo ý kiến đề xuất của cổ đông Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;

Liên quan đến việc quyết toán tài chính cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Theo quy định tại Điều 25 Nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ “Đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan có thẩm quyền quyết định

giá trị doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, xử lý những vấn đề về tài chính phát sinh từ thời điểm định giá đến thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để xác định lại giá trị phần vốn nhà nước” nhưng đến nay Công ty vẫn chưa được UBND TPHCM xử lý.

Theo đề xuất của cổ đông Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc quyết toán tài chính tại thời điểm doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa, UBND TPHCM đã có Thông báo số 231/TB-VP ngày 21/04/2010 về việc xử lý lỗ, âm quỹ lương trong giai đoạn quyết toán phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn. Theo nội dung công văn này thì UBND TPHCM chấp thuận theo đề nghị của Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành phố xử lý giảm phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thể của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn là 2.569.964.446 đồng (lỗ 1.784.409.885 đồng và âm quỹ lương 785.554.561 đồng).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 25, Nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ và Điểm 9.d Thông tư số 47/2007/TT-BCT ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính, khi UBND TPHCM ra quyết định theo nội dung đã thông báo trên thì phải được Bộ Tài chính phê duyệt và xử lý xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương để thoái thu tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã nộp cho doanh nghiệp.

❖ Các khoản phải trả:

Đv: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
I.	Nợ ngắn hạn	1.350.818.504	1.338.164.060	353.326.082
1.	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2.	Phải trả cho người bán	43.216.386	43.216.386	69.816.386
3.	Người mua trả trước tiền	-	-	20.833.635
4.	Các khoản thuế phải nộp	50.757.802	87.316.106	433.573.164
5.	Phải trả cho người lao động	52.000.000	-	-1.357.319.853
6.	Chi phí phải trả	18.181.818	21.208.818	0
7.	Phải trả, phải nộp khác	1.186.662.498	1.186.422.750	1.186.422.750
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
II.	Nợ dài hạn	242.493.875	222.493.875	0
1.	Phải trả dài hạn khác	242.493.875	222.493.875	-
2.	Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
III.	Nợ khác	-	-	302.493.875

1	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	302.493.875
	Tổng cộng	1.593.312.379	1.560.657.935	655.819.957

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Theo ý kiến của kiểm toán viên trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 thì tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đang theo dõi khoản phải trả về cổ phần hóa đang trong giai đoạn chờ quyết toán với Cơ quan quản lý, số tiền 1.097.096.254 đồng.

9.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	30/06/2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,43	3,99	13,73
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,43	3,99	13,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản:	%	14,00%	13,74%	6,16%
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu:	%	16,28%	15,93%	6,56%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	-	-	-
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bq)	Lần	0,31	0,26	0,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,16%	0,62%	12,84%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (bq)	%	-	-	-
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (bq)	%	-	-	-
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	-1,87%	-0,62%	12,84%

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, BCTC 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Phân tích một số chỉ tiêu tài chính trên để thấy chi tiết hơn về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn:

Khả năng thanh toán:



So với năm 2011, khả năng thanh toán của Công ty năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013 tăng rất nhiều và vẫn duy trì ở mức rất tốt. Kết quả tính toán hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn duy trì ở mức 3,43 lần năm 2011; 3,99 lần năm 2012; 13,73 lần 6 tháng đầu năm 2013 cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty là rất đảm bảo, an toàn. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty bằng với hệ số thanh toán ngắn hạn là do đặc thù Công ty là hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên không có hàng tồn kho.

Cơ cấu vốn (đòn bẩy tài chính):

Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty bằng 14,00% (năm 2011) và 13,74% (năm 2012), tỷ trọng Nợ/Tổng tài sản ngày càng giảm rất nhiều và chiếm tỷ trọng rất thấp 6,16% (6 tháng đầu năm 2013).

Qua các chỉ tiêu về cơ cấu vốn ở trên cho thấy Công ty đang có cơ cấu vốn rất an toàn. Cơ cấu vốn này cho ta thấy Công ty tận dụng tốt nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ nợ ở mức rất thấp cho thấy rủi ro tài chính của Công ty rất ít.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Tổng tài sản nhìn chung không thay đổi đáng kể từ năm 2010 đến 2012 (năm 2010: 10.172.962.583 đồng; năm 2011: 11.380.967.918 đồng; năm 2012: 11.359.581.843 đồng). Các khoản phải thu lại chiếm tỷ trọng khá lớn so với tổng tài sản (năm 2011 chiếm 35,74%, năm 2012 chiếm 41,76%), hiện Công ty vẫn còn đang theo dõi số vốn điều lệ phải thu từ Quỹ sắp xếp doanh nghiệp theo Biên bản xác định giá trị phần vốn nhà nước trên khoản mục Phải thu về cổ phần hóa, số tiền 2.534.765.971 đồng và quỹ lương chi vượt từ giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền 1.357.319.853 đồng..

Các tỷ suất sinh lời của Công ty:

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2011, năm 2012 rất thấp (năm 2011 chiếm 4,16%, năm 2012 chiếm 0,62%), riêng 6 tháng đầu năm 2013 hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng được 12,84% đó là do Công ty tận dụng được thêm một mặt bằng trước đây để trống để cho thuê lại để tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.

10. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cp sở hữu cá nhân (cổ phần)	Đại diện phần vốn Nhà nước hoặc của tổ chức khác (cổ phần)	Số CP của người có liên quan (cổ phần)
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch	59.846	560.000	293.919
2	Trương Văn Toa	Thành viên	0	0	0
3	Đỗ Trọng Hùng	Thành viên	0	0	0
4	Đỗ Thành Duy	Thành viên	0	278.240	0
Ban Kiểm soát					
1	Lê Thị Diệu Phú	Trưởng Ban	0	0	0
2	Châu Thị Mỹ Lạc	Thành viên	0	0	0
3	Nguyễn Thị Thanh Tú	Thành viên	0	0	0
Ban Tổng Giám đốc					
1	Đỗ Thành Duy	Tổng Giám đốc	0	0	0
Kế toán trưởng					
1	Nguyễn Thị Minh Trang	Kế toán trưởng	0	0	0
Tổng cộng			59.846	838.240	293.919

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

10.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch HĐQT

- Họ và Tên : **Nguyễn Văn Liêm**
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1971



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:
 - . 1994 – 2000: chuyên viên tín dụng tại Ngân hàng Sacombank;
 - . 1999 - 2004: Giám đốc Công ty TNHH TM - DV Mộc Đức;
 - . 2004 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thanh Niên;
 - . Tháng 10/2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật tư – Xuất nhập khẩu Tân Bình;
 - . Tháng 03/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư – Kinh doanh Vàng Toàn cầu;
 - . Tháng 04/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán VNS.
 - . 2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 59.846 cổ phần
- Số cổ phần đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước: 560.000 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 293.919 cổ phần

b. Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : **Trương Văn Toa**
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1976
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị



- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

c. Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : **Đỗ Trọng Hùng**
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1962
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:
 - . 1983 - 1988: Giáo viên Trường Sĩ quan công binh;
 - . 1988 - 1991: Quản lý lao động tại CHLB Nga;
 - . 1991 - 1996: Phó Giám đốc Công ty TNHH Toàn Cầu;
 - . 1996 - 2000: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH Tân Thế Kỷ VN;
 - . 2000 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Tân Thế Kỷ VN.
 - . 2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

d. Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : **Đỗ Thành Duy**
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1968
- Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:
 - . 1999 - 2004: công tác tại Phòng Hanjin Shipping Sales;
 - . 2004 đến nay: công tác tại Phòng Dự án
 - . 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện của nhóm cổ đông: 278.240 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

10.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và Tên : **Lê Thị Diệu Phú**
- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:
 - . 1996 – 2003: Thư ký Giám đốc Công ty Festival Taxi;
 - . 2003 – 04/2013: Thư ký HĐQT kiêm Phụ trách pháp lý của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn;
 - . 05/2013 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần



- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

b. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và Tên : **Châu Thị Mỹ Lạc**
- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:
 - . 1999 – nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM - DV Mộc Đức;
 - . 2004 - 2009: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thanh Niên;
 - . 2009 đến nay: Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Thanh Niên;
 - . 2010 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

c. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và Tên : **Nguyễn Thị Thanh Tú**
- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1979
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:

- . 2003-2008: Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển Gemedep;
- . 2008 – nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bông sen Vàng;
- . 2010 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

10.3. Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc:

Ông: **Đỗ Thành Duy** (đã trình bày tại mục 10.1. Mục d)

b. Kế toán trưởng

- Họ và Tên : **Nguyễn Thị Minh Trang**
- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Quá trình công tác:
 - . 1991 – 1998: Kế toán trưởng Công ty Thương mại Bình Thuận;
 - . 1998 - 2000: Phụ trách Kế toán khối ngành hàng điện gia dụng Công ty GE Appliances – Hong Bao Corp;
 - . 2001 - 2004: Kế toán trưởng Công ty TNHH LB (Vietnam);
 - . 2004 - 2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Thực phẩm Sài Gòn;
 - . 2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

11. Tài sản

11.1. Giá trị tài sản cố định của Công ty theo BCTC tại ngày 30/06/2013

Đv: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị	GTCL/NG
			còn lại	
I.	Tài sản cố định hữu hình	12.367.392.057	5.092.112.383	41,17%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.309.001.381	4.806.425.795	42,50%
2	Máy móc thiết bị	1.011.612.676	285.686.589	28,24%
II.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	574.095.137	574.095.137	100,00%
III.	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
	Cộng	12.941.487.194	5.666.207.520	

(Nguồn: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)

Tình hình sử dụng quỹ đất của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn đến thời điểm đến 30/06/2013.

STT	Diện tích (m ²)	Địa chỉ đất	Hiện trạng sử dụng	Đất thuê/giao đất	Loại đất	Tài sản gắn liền với đất
1	245,2	46-48 Trần Hưng Đạo F.7 Q.5 TPHCM	Hợp tác kinh doanh cửa hàng thực phẩm	Hợp đồng thuê đến hết năm 2020, trả tiền thuê hàng năm, đơn giá thuê đất ổn định trong thời gian 5 năm kể từ ngày ký quyết định cho thuê đất (23/06/2008). Hiện đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến hết năm 2020.	Phi nông nghiệp	Tầng trệt, nhà chung cư của nhà nước
2	20.053,2 m ² : trong đó 19.147,1 m ² là phần diện tích không thuộc phạm vi lộ giới	216 Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Thủ Đức, TPHCM	Hợp tác sản xuất, gia công gỗ	Hợp đồng thuê đến hết năm 2020, trả tiền thuê hàng năm theo phần diện tích không thuộc phạm vi lộ giới. Đơn giá thuê đất sẽ ổn định trong thời gian 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng (09/07/2009). Hiện đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến hết năm 2020.	Phi nông nghiệp	Nhà xưởng, một lầu. Dãy nhà trệt văn phòng công ty
3	1.567	153 Huỳnh Mẫn Đạt Q.5 TPHCM	Hợp tác Công ty Hải Thiên kinh doanh nhà hàng ăn uống, dịch vụ	Ngày 14/12/1998 UBND TPHCM có Quyết định số 1769/QĐ-UB về việc xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước do Công ty quản lý sử	Phi nông nghiệp	Nhà tiền chế, khung thép

					dụng. Hiện nay Công ty đang thuê đất và trả tiền hàng năm (không có hợp đồng thuê đất).			
4	675	Số 38 Trần Hưng Đạo, liên thông khu đất 46-48 Trần Hưng Đạo F.7 Q.5 TPHCM	UBND TPHCM yêu cầu Công ty làm thủ tục mua chỉ định tài sản của Nhà nước	UBND TPHCM	Ngày 14/12/1998 UBND TPHCM có Quyết định số 1768/QĐ-UB về việc xác lập quyền sở hữu nhà của Nhà nước do Công ty quản lý sử dụng. Ngày 17/12/2007 Văn phòng Chính phủ ban hành công văn số 7251/VPCP-CN gửi UBND TPHCM về việc cho phép UBND TPHCM bán chỉ định cơ sở nhà, đất tại mặt bằng này cho Công ty theo giá thị trường tại thời điểm bán. Hiện nay Công ty đang thuê mặt bằng này và trả tiền thuê hàng năm (không có hợp đồng thuê đất).	Phi nông nghiệp	Nhà xưởng cũ (hẻm cấp 2 của chung cư cũ)	

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)



DANH MỤC TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 30/06/2013

STT	Tên TS	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao lũy kế tính đến 30/06/2013	Giá trị còn lại đến 30/06/2013
1.	Tài sản cố định	12.367.392.058	7.275.279.674	5.092.112.383
a.	Nhà cửa vật kiến trúc	11.309.001.382	6.502.575.587	4.806.425.795
1	Nhà bảo vệ	21.611.520	10.265.472	11.346.048
2	Nhà văn phòng A (KHC (2)+WC)	288.072.805	166.485.398	121.587.408
3	Hiên	70.626.000	33.547.362	37.078.638
4	Nhà kho cạnh VP	45.903.000	14.918.475	30.984.525
5	Nhà văn phòng B (6)	51.908.750	23.729.727	28.179.023
6	Vĩa hè	510.300	165.848	344.452
7	Nhà kho xây mới 8	2.402.303.863	1.091.046.327	1.311.257.535
8	NX SX chính (11)+ kho lạnh	2.708.911.275	1.980.843.998	728.067.278
9	Hiên	149.371.520	51.346.460	98.025.060
10	Vĩa hè	3.307.200	1.136.850	2.170.350
11	Cải tạo kho Linh Xuân	834.580.000	542.477.001	292.102.999
12	Đường đi bê tông nhựa và đá	153.197.140	113.940.373	39.256.767
13	Đường đi bê tông đá 4 x 6	202.126.230	150.331.384	51.794.846
14	Công và tường rào	89.006.800	77.880.962	11.125.838
15	153 Huỳnh Mẫn Đạt	1.419.353.524	664.978.233	754.375.291
16	46-48 Trần Hưng Đạo	708.325.506	625.119.015	83.206.491
17	Nhà kho 904m2	1.916.063.462	710.540.215	1.205.523.247
b.	Máy móc thiết bị	1.011.612.676	725.926.087	285.686.589
1	Giếng khoan	68.900.000	68.325.841	574.159
2	Hệ thống xử lý nước thải	900.355.063	615.242.634	285.112.430

12. Kế hoạch kinh doanh năm 2013 - 2015

12.1. Kế hoạch về doanh thu lợi nhuận giai đoạn 2013 – 2015:

Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch kinh doanh cho 3 năm tiếp theo từ năm 2013-2015 như sau:

Đv: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	(%) +/- so với 2012	Giá trị	(%) +/- so với 2013	Giá trị	(%) +/- so với 2014
1	Doanh thu thuần	3.300	13,32%	3.600	9,09%	3.900	8,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	300	1.554,72%	350	16,67%	390	11,43%
3	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	9,09%	8,47%	9,72%	0,63%	10,00%	0,28%
4	LN sau thuế/Vốn điều lệ	2,14%	2,01%	2,50%	0,36%	2,79%	0,29%
5	Vốn điều lệ	14.000	-	14.000	-	14.000	-
6	Cổ tức (%)	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn)



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh (BMSC) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn, đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó; BMSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận trong các năm tới của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn là khá phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra các quyết định đầu tư.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán:

Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán:

Không có

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về đợt bán cổ phần

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Saigon Food & Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SAFOODS JSC
- Trụ sở : 216 Quốc lộ 1K Phường Linh Xuân Quận Thủ Đức TPHCM
- Điện thoại : (84-8) 39231440 Fax: (84-8) 39231441
- Email : thucphamvadvsg@vnn.vn
- Vốn điều lệ : 14.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần lưu hành : 1.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 560.000 cổ phần (tương đương 40,00% vốn điều lệ).
- Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 5.600.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Hình thức chào bán: đấu giá công khai
 - + Giá khởi điểm: 20.000 đồng/cổ phiếu
 - + Đối tượng: nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của Quy chế đấu giá.

2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.

3. Địa điểm công bố thông tin



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

38

➤ Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

- Địa điểm: 216 Quốc lộ 1K Phường Linh Xuân Quận Thủ Đức TPHCM

➤ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

- Địa điểm : Số 198 Phan Xích Long, P2, quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại : 08. 73068686 Fax: 08. 3517 0634
- Website : www.bmsc.com.vn

➤ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

- Website : <http://www.scic.vn>

4. Đăng ký mua cổ phần

4.1. Đối tượng, điều kiện tham gia

➤ Đối tượng tham gia:

Các tổ chức kinh tế, cá nhân Việt Nam và nước ngoài theo quy định tại **Điều 6** Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) có đủ điều kiện sau đây được tham dự đấu giá:

- Nhà đầu tư trong nước là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- Tổ chức bán đấu giá bán cổ phần, cá nhân thực hiện tư vấn, định giá của Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh không được tham gia đấu giá mua cổ phần



của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn.

- Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

➤ **Điều kiện tham gia đấu giá**

Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn quy định. Đặt cọc đủ **30%** giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký đấu giá.

➤ **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài**

Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 1/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức không hạn chế tại Công ty cổ phần không phải là Công ty cổ phần niêm yết.

Theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức hạn chế tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.

4.2. Thời gian, địa điểm nộp tiền cọc và đơn đăng ký tham gia đấu giá

Thời gian làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá:

Nhà đầu tư chỉ được đăng ký và đặt cọc để tham gia đấu giá **từ 8h30' ngày 14/10/2013 đến 16h00' ngày 08/11/2013.**

Nộp tiền đặt cọc: Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 30% (ba mươi phần trăm) giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam bằng hình thức nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản của SCIC

Thông tin nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền như sau:



- Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Số Tài khoản: 10201-000141311-3
- Tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hà Nội
- Nội dung: Họ tên/tên tổ chức; Số CMT/ Số ĐKKD (Ngày cấp, nơi cấp); Nộp tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn

❖ **Địa điểm đăng ký:**

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Địa chỉ: 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

❖ **Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá:** Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký đồng thời phải xuất trình:



Đối với cá nhân trong nước:

- CMND, trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc;



Đối với tổ chức trong nước:

Ngoài quy định như đối với cá nhân trong nước, tổ chức trong nước còn phải nộp thêm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
- Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;



Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:

Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài còn phải xuất trình:

- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký



chứng khoán Việt Nam cấp

- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá

5.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ:

- Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp (Bản chính);
- Có đóng dấu treo của tổ chức bán đấu giá và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;
- Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát;
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm;
- Tổng số cổ phần đặt mua không được vượt mức đăng ký và không thấp hơn mức đăng ký mua tối thiểu theo quy chế này.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được công nhận.

5.2. Bỏ phiếu kín đúng thời hạn quy định:

▪ Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại Tổ chức bán đấu giá

Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của Nhà đầu tư trên mép phong bì theo quy định. Ngoài bao thư, nhà đầu tư ghi rõ “Phiếu tham dự đấu giá mua cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn” cùng với Tên và Mã số Nhà đầu tư.

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu trước **09h00’ ngày 13/11/2013** tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Địa chỉ: 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận,
TP.HCM



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

▪ **Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá bằng thư đảm bảo qua đường bưu điện**

Ngoài bao thư nhà đầu tư ghi rõ “Phiếu tham dự đấu giá mua cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn” cùng với tên và mã số nhà đầu tư và được gửi đến địa chỉ sau:

Phòng Tư vấn Doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Địa chỉ: 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

- Phiếu tham dự đấu giá chỉ được chấp nhận khi thư bảo đảm của nhà đầu tư được bưu điện chuyển đến địa chỉ trên trước **16h00’ ngày 12/11/2013**.
- Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu Tổ chức bán đấu giá đổi phiếu mới (sau khi đã nộp phiếu cũ) chậm nhất trước 15 phút trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu vào thùng phiếu. Phiếu cũ coi như là không còn giá trị.
- Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị Tổ chức bán đấu giá cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị chậm nhất trước 15 phút trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu vào thùng phiếu. Phiếu cũ coi như là không còn giá trị.

6. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá

6.1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

⇒ Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

- Địa chỉ văn phòng : 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

6.2. Thời gian tổ chức đấu giá:

Vào lúc 9h00’ ngày 13/11/2013

6.3. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

trong thời hạn **mười (10) ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá **(từ ngày 13/11/2013 đến 16h00' ngày 26/11/2013).**

- Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản của SCIC



Thông tin nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền như sau:

- o Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 - o Số Tài khoản: 10201-000141311-3
 - o Tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hà Nội
 - o Nội dung: Họ tên/tên tổ chức; Số CMT/ Số ĐKKD (Ngày cấp, nơi cấp); Thanh toán tiền mua cổ phần trúng giá Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
- Đối với các bên tham gia đấu giá có tham dự cuộc đấu giá nhưng không được mua cổ phần thì trong bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. SCIC có trách nhiệm thanh toán lại tiền đặt cọc cho các đối tượng trên **(từ ngày 13/11/2013 đến 16h00' ngày 21/11/2013).**
 - Đối với các bên tham gia đấu giá được quyền mua cổ phần theo kết quả đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được trừ vào tổng số tiền phải trả.

V. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Phụ lục II : Quyết định bán phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.
3. Phụ lục III : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn
4. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010, 2011, 2012 và BCTC 6 tháng đầu năm 2013

TP.HCM, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Đại diện

Công ty cổ phần Thực phẩm và
Dịch vụ Sài Gòn

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THANH DUY

Đại diện

Công ty cổ phần Chứng khoán

Bảo Minh

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH CƯỜNG



Đơn vị Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH